

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG LÔ
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án: 07/2020/HNGĐ-ST
Ngày 08 tháng 6 năm 2020
V/v: “*Tranh chấp Hôn nhân và
gia đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG LÔ, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Quốc Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hưng, Ông Hà Vĩnh.

Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Kim Dung, Thư ký Toà án nhân dân huyện Sông Lô.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô tham gia phiên toà: Bà Trịnh Hoàng Miên, kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 192/2019/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2019 về “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14/4/2020 và 06/2020/QĐST-HNGĐ ngày 11/5/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị P sinh năm 1994, (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: thôn D xã Đ, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hữu M, sinh năm 1993, có mặt.

Địa chỉ: thôn D, xã Đ, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 12 năm 2019, những lời trình bày tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Bùi Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Hữu M ngày 15 tháng 01 năm 2016 và đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi kết hôn anh chị có được tự do tìm hiểu tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn chị về chung sống cùng gia đình anh M. Quá

trình vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh M quan hệ bất chính với người khác và thường xuyên uống rượu về đánh đập chị, làm cho mâu thuẫn gia đình ngày càng căng thẳng, vợ chồng không có tiếng nói chung. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn chị xin được ly hôn với anh M.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Minh K, sinh ngày 22/8/2016. Hiện nay cháu K đang ở cùng anh M. Ly hôn, chị đề nghị để anh M trực tiếp nuôi dưỡng cháu K và chị không cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh M. Trong thời gian anh M nuôi dưỡng con thì anh M phải cho chị được thăm con, đón con đi chơi và phải đảm bảo cuộc sống cho cháu K thật tốt. Hiện nay cháu K còn nhỏ, toàn bộ chi phí mua sữa, quần áo của cháu K đều do chị cung cấp cho cháu. Anh M đề nghị chị cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng chị không đồng ý. Hiện nay chị đang làm công nhân ở Vĩnh Yên, thu nhập bình quân 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng / tháng. Chị đang ở cùng bố mẹ đẻ chị có nhà ở ổn định, kinh tế ổn định có đủ điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng cháu K. Khi chị sống ly thân cùng anh M, gia đình anh M không cho chị đưa con đi cùng, chị đến đón cháu cũng không cho chị đón, ngăn cản chị nhưng chị vẫn chu cấp sữa và những đồ ăn hàng ngày cho cháu K.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị P không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị tự nguyện chịu nộp toàn bộ.

Bị đơn anh Nguyễn Hữu M trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống như chị P trình bày là đúng, nguyên nhân mâu thuẫn tình cảm là do vợ chồng kinh tế khó khăn dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Nay chị P xin ly hôn với anh, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn tôi đồng ý ly hôn với chị P.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Minh K, sinh ngày 22/8/2016. Hiện nay cháu K đang ở cùng anh. Ly hôn, anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K và không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Anh không đồng ý cho chị P nuôi con vì cháu ở với anh từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay, chị P thỉnh thoảng có về thăm con và mua sữa, bánh kẹo cho con. Anh làm công nhân ở Vĩnh Yên, thu nhập bình quân hàng tháng của anh là 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng/ tháng, anh ở cùng mẹ đẻ anh, có nhà ở ổn định để chăm sóc cho cháu.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Anh M không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân thủ các quy định tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của đương sự: Đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị P, cho chị Bùi Thị P được ly hôn anh Nguyễn Hữu M.

Về con chung: Giao anh Nguyễn Hữu M được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 22/8/2016. Hiện nay cháu K đang ở cùng anh M. Chị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh M.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị P khởi kiện, yêu cầu ly hôn với bị đơn là anh M, trú tại thôn D, xã Đn, huyện Sông Lô. Các đương sự tham gia tố tụng đảm bảo năng lực pháp luật tố tụng dân sự và năng lực hành vi tố tụng dân sự. Ngày 27/5/2020 chị P có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sông Lô xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định thủ tục tố tụng trong vụ án đảm bảo đúng theo các quy định tại các Điều 28, 39, 69, 186, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị P và anh M là hôn nhân hợp pháp có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo như chị P trình bày là do anh M quan hệ bất chính với người khác và thường xuyên uống rượu về đánh đập chị, làm cho mâu thuẫn gia đình ngày càng căng thẳng, vợ chồng không có tiếng nói chung.

Anh M cũng xác định vợ chồng có mâu thuẫn với nhau, nguyên nhân do vợ chồng kinh tế khó khăn dẫn đến thường xuyên cãi nhau.

Qua xác minh tại địa phương nơi chị P và anh M sinh sống thì: Quá trình vợ chồng chung sống có phát sinh mâu thuẫn còn nguyên nhân cụ thể như thế nào địa phương không rõ.

Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cả chị P và anh M đều xác nhận vợ chồng không còn tình cảm đề nghị được ly hôn. Do vậy, cả chị P và anh M đều đề nghị được ly hôn là hoàn toàn tự nguyện nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị P và anh M xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Minh K, sinh ngày 22/8/2016. Hiện nay cháu K đang ở cùng anh M. Ly hôn, chị P và anh M đều đề nghị để anh M được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K. Chị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh M.

Qua xác minh tại địa phương thì chị P và anh M đi làm công nhân thì mẹ anh M đang trông giữ cháu K và đưa đón cháu đi học.

Xét hiện nay cả chị P và anh M đều làm công nhân đều có thu nhập để nuôi con. Cả chị P và anh M đều đề nghị để anh M được nuôi dưỡng cháu K, anh M không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Chị P, anh M không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị P phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Bùi Thị P: Cho ly hôn giữa chị Bùi Thị P và anh Nguyễn Hữu M.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Hữu M được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 22/8/2016. Hiện nay cháu Khánh đang ở cùng anh M. Chị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì quyền lợi của con chung, sau khi ly hôn, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức đóng góp nuôi con. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị P và anh M không đề nghị giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Bùi Thị P phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền 300.000 đồng chị đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2017/0001671 ngày 31/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Lô. Chị P đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn

15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Sông Lô;
- THA huyện Sông Lô;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Quốc Hồng